TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 81/2021/DS-PT
Ngày 25/01/2021
V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi, ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLPT-DS ngày /2020 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2021/QĐ-PT ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.2. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1964, vắng mặt;

1.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1969, có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà H là ông Hồ Văn H (sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L, bà H là Luật sư Nguyễn Văn K - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Hồ Văn H, sinh năm 1992, có mặt;

2.2. Chị Hồ Thị P, sinh năm 1997, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Văn Chiết - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huê. Người đại diện theo Giấy ủy quyền số 989/UBND-NC ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện A là ông Nguyễn Quốc Cường (Phó Chủ tịch UBND huyện) có mặt.

3.2. Chị Hồ Thị H1, sinh năm 1988; địa chỉ: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H1 là bà Nguyễn Thị B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Cu T (Quỳnh T), sinh năm 1940, vắng mặt;

4.2. Ông Hồ T1 (Quỳnh B), có mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Người kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn (bà H) kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/04/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn là vợ chồng Hồ Văn L và bà Lê Thị H trình bày:

Năm 1989 Ông Bà khai hoang làm nhà ở tại thửa đất số 07 tờ bản đồ số 38, diện tích 6.642,3m^2, địa chỉ thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế và được UBND huyện A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BS 257429 ngày 19/11/2013 (nhưng ngày 21/10/2019 Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận này).

Tháng 01/1991 Ông Bà cho vợ chồng anh trai là ông Hồ Văn L (Cu L) có vợ là bà Lê Thị K làm nhà ở nhờ trên đất. Năm 1991, bà K chết, năm 1998 ông Cu L chết. Năm 2001 cha của Ông Bà là cụ Võ T (Quỳnh N) chết, năm 2003 mẹ của Ông Bà là cụ Kả T (Kăn N) chết. Vợ chồng ông Cu L và bà K chết để 03 con là chị Hồ Thị H1, anh Hồ Văn H và chị Hồ Thị H lại cho Ông Bà nuôi dưỡng. Năm 2005, để hưởng chính sách ưu đãi Ông Bà cho 03 cháu tách hộ khẩu do Hồ Thị H1 đứng chủ hộ. Năm 2005 *hộ Hồ Thị H1* được Nhà nước xây nhà tình nghĩa theo Dự án 134 và được UBND huyện A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 414656 ngày 24/10/2006 đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2. Năm 2014 Hồ Thị H1 cho tặng em trai Hồ Văn H toàn bộ quyền sử dụng đất và UBND huyện A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BQ 403655 ngày 24/11/2014.

Năm 2008 Ông Bà xin đất của ông Hồ T1 và ông Hoàng Minh S làm nhà ở và được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số CC 344001 ngày 24/12/2014 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 34, diện tích 1.881,1m^2 gồm đất ở 500 m^2, đất trồng cây lâu năm 1.381,1m^2 tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 2012 UBND huyện A có chương trình đo lại đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Ông Bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trước đây nhờ Hồ Thị H1 đứng tên giùm nên UBND huyện A đã cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BS 257429 ngày 19/11/2013 cho Ông Bà đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 38, diện tích 6.642,3m^2.

Nay Ông Bà sửa chữa nhà cũ và vào làm vườn nhưng cháu Hồ Văn H ngăn cản, vì vậy, Ông Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *(i).* Hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BQ 403655 mà UBND huyện A cấp ngày 24/11/2014 cho Hồ Văn H, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2 vì thửa đất này chồng lấn thửa đất số 07 tờ bản đồ số 38, diện tích 6642,3m^2 của Ông Bà; *(ii).* Buộc Hồ Văn H và vợ là Hồ Thị P trả lại quyền sử dụng đất, nhà gỗ và cây cối trên thửa đất cho Ông Bà gồm: 4.800m^2 đất, 01 ngôi nhà gỗ lợp mái ngói khoảng 60m^2; 1.500 cây chè, 30 cây cà phê, 27 cây mít, 09 cây dừa, 06 cây dâu, 02 cây chôm chôm, 02 cây bưởi, 02 cây xoài, 01 cây thanh long, 01 bụi tre, buộc Hồ Văn H, Hồ Thị P khai thác cây keo tràm đã trồng trên đất; *(iii).* Ngày 10/6/2020 bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* mang tên hộ Hồ Thị H1 (số AE 414656 do UBND huyện A lưới cấp ngày 24/10/2006, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2 vì bà H1 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với nguồn gốc do bố mẹ để lại năm 2000 nhưng nhà gỗ đó do Ông Bà xây dựng và đất Ông Bà khai hoang năm 1990.

- *Bị đơn là anh Hồ Văn H và vợ là chị Hồ Thị P trình bày:* Năm 1989 ông bà nội của Anh Chị là cụ Võ T và cụ Kả T và vợ chồng chú Hồ Văn L có vợ là bà Lê Thị H cùng cha mẹ Anh Chị là Hồ Văn L và Lê Thị K cùng chung sống một nhà (nhà gỗ) thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Năm 1991 mẹ Anh Chị chết, năm 1998 cha Anh Chị chết. Năm 2001 cụ Võ T chết, năm 2003 cụ Kả T (Kăn N) chết. Năm 2005 các Anh Chị Hồ Thị H1, Hồ Văn H và Hồ Thị H tách hộ khẩu do Hồ Thị H1 làm chủ hộ. Năm 2005 hộ Hồ Thị H1 là con mồ côi được nhà nước xây nhà tình nghĩa theo Dự án 134, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 414656 do UBND huyện A cấp ngày 24/10/2006 đứng tên Hồ Thị H1, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2. Khi Hồ Thị H1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà H đồng ý đo đạc cho làm không có tranh chấp. Năm 2014 Hồ Thị H1 tặng cho em trai Hồ Văn H toàn bộ quyền sử dụng đất trên và Hồ Văn H được UBND huyện A cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 03655 ngày 24/11/2014 thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2. Nay Anh Chị không đồng ý trả đất như yêu cầu của ông L, bà H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện A trình bày:* Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do ông Hồ Văn L (bố của chị Hồ Thị H1) khai hoang trong đó có một phần công sức của ông Hồ Văn L (em ruột ông Hồ Văn L). Ông Hồ Văn L có vợ là bà Lê Thị H cho cháu là Hồ Thị H1 đo đạc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án 134 diện mồ côi cả cha lẫn mẹ, do đó UBND huyện A cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 414656 (vào sổ cấp giấy H001800) thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2, được sử dụng lâu dài không tranh chấp. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất chưa được đo đạc bản đồ địa chính và trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện tọa độ thửa đất khi chị Hồ Thị H1 làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L và bà H đồng ý cho cháu, không có tranh chấp nên UBND huyện A mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hồ Thị H1 là đúng pháp luật.

Năm 2014, chị Hồ Thị H1 thực hiện cho tặng toàn bộ quyền sử dụng đất cho em trai ruột là anh Hồ Văn H toàn bộ 4.800m^2 đất nêu trên, Hợp đồng tặng cho được UBND xã H chứng thực ngày 08/10/2014 nên UBND huyện A cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hồ Văn H là đúng pháp luật. Năm 2013, khi triển khai dự án đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà thì ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H và công chức địa chính xã chỉ dẫn đơn vị đo đạc, đo chồng lấn lên phần lớn diện tích đất của chị Hồ Thị H1 đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Thời gian này chị H1 đi lấy chồng ở xã Hồng Bắc, anh Hồ Văn H đi làm ở Đà Nẵng nên không biết việc đất của mình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại bị đo và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H. Theo kết quả đo đạc năm 2013 thì ông L, bà H được đo đạc và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu diện tích 6.642,3m^2, thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 38, loại đất trồng cây lâu năm khác, được UBND xã H xác nhận nguồn gốc sử dụng đất do ông L, bà H khai hoang năm 1978 và chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện A đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013, do sơ suất, cơ quan chuyên môn huyện A và xã H thiếu kiểm tra chặt chẽ nên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H số phát hành BS 257429 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 00318) do UBND huyện A cấp ngày 19/11/2013 đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 38, diện tích 6.642,3m^2 tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà H đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 38 là chồng lấn lên đất của chị Hồ Thị H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006. Sau khi phát hiện sai sót trên UBND huyện A đã ban hành Thông báo số 70/TB-UBND ngày 11/7/2019 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định cho ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H. Ngày 17/10/2019, UBND huyện A ban hành Quyết định số 1484/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND huyện A. Ngày 21/10/2019, UBND huyện A ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 257429 đã cấp ngày 19/11/2013 cho ông L, bà H.

Thực tế ông L, bà H cũng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai thửa đất khác (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 257429 ngày 19/11/2013 đối với thửa đất số 61 tờ bản đồ số 34, diện tích 6.784,4m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 344001 ngày 24/12/2014 đối với thửa đất số 47 tờ bản đồ số 34, diện tích 1.881,1 m^2, đều tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế). Hiện nay thực hiện dự án thủy điện ông L, bà H đã nhận bồi thường đất đai hơn 800.000.000 đồng.

Vì các lý do trên, UBND huyện A đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 414656 mà UBND huyện A cấp cho bà Hồ Thị H1 ngày 24/10/2006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 403655 mà UBND huyện A lưới cấp ngày 24/11/2014 cho ông Hồ Văn H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị H1 trình bày:* Đồng ý thống nhất với ý kiến của anh Hồ Văn H, không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H.

- *Người làm chứng là ông Cu T (còn gọi Quỳnh T) trình bày:* Tôi là con rể của vợ chồng cụ Quỳnh N (Võ T) và cụ Căn N (Kả T), vợ tôi là chị ruột của ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn L, còn Hồ Văn H là cháu của hai vợ chồng tôi. Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do vợ chồng cụ Quỳnh N và cụ Căn N khai hoang năm 1988 và sinh sống cùng các con trên đất. Năm 1989 vợ chồng cụ Quỳnh N làm nhà gỗ 3 gian, vách ván lợp ngói, tiền làm nhà do cụ Quỳnh N bán bò mà có, thuê ông Võ Văn Ngọc làm công, Tôi giúp cưa gỗ làm nhà. Hai đầu nhà gỗ sử dụng làm 2 bếp một bên là bếp của vợ chồng cụ Quỳnh N, một bên là bếp của vợ chồng ông L, bà H. Năm 1983 ông L đi nghĩa vụ quân sự được 2 tháng do sức khỏe yếu nên về địa phương sau đó đi học trung cấp Y tế Huế gần 3 năm đến năm 1986 ông L xây dựng gia đình với bà H cùng sống chung tại nhà cùng vợ chồng cụ Quỳnh N. Năm 1991 bà Hồ Thị K (vợ ông Hồ Văn L) chết, năm 1998 ông L chết để lại 03 con là Hồ Thị H1, Hồ Văn H và Hồ Thị H cho vợ chồng cụ Quỳnh N nuôi dưỡng. Năm 2001 cụ Quỳnh N chết, năm 2003 cụ Căn N chết. Sau đó, UBND xã H xây nhà cấp 4, ba gian lợp tôn theo chương trình 134 cho ba chị em mồ côi là Hồ Thị H1, Hồ Văn H và Hồ Thị H, đồng thời xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba chị em đứng tên Hồ Thị H1, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2. Khi Hồ Thị H1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà H đồng ý cho làm không tranh chấp, sau đó Hồ Thị H1 làm thủ tục tặng em là Hồ Văn H. Vì vậy, Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

1. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 39; điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 217 của bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn H, đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 257429 do UBND huyện A cấp ngày 19/11/2013 cho ông Hồ Văn L và bà Lê Thị H.

2. Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

2.1 Áp dụng Điều 105; Điều 115 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L và bà Lê Thị H, về việc:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 414656 do UBND huyện A cấp cho bà Hồ Thị H1 ngày 24/10/2006, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800 m^2, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 403655 do UBND huyện A cấp ngày 24/11/2014 cho ông Hồ Văn H, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2, tại thôn A, xã H, huyện A, Thừa Thiên Huế.

- Buộc ông Hồ Văn H và Hồ Thị P trả lại quyền sử dụng đất và tài sản cây cối trên thửa đất cho Hồ Văn L và bà Lê Thị H, gồm: Diện tích đất 4.800m^2, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Buộc ông Hồ Văn H và Hồ Thị P trả lại: Cây chè : 1.500 cây; - cây cà phê: 30 cây;- cây mít: 27 cây; - cây dừa: 09 cây;- cây dâu: 06 cây;- cây chôm chôm: 02 cây;- cây bưởi : 02 cây;- cây xoài : 02 cây;- cây thanh long: 01 cây; 01 bụi tre.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hồ Văn L và bà Lê Thị H không phải chịu (ông L, bà H được trả lại số tiền 300.000 đồng đã nộp theo B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004174 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

2.3. Về chi phí định giá: Ông L, bà H phải chịu toàn chi phí định giá tài sản là 6.750.000 đồng (đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điêu 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/9/2020, nguyên đơn là bà Lê Thị H kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn là bà H và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng toàn bộ đất tranh chấp do vợ chồng bà H khai hoang, làm nhà gỗ và cho cha mẹ bị đơn ở nhờ nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho rằng đất tranh chấp do vợ chồng cụ Quỳnh N và cụ Căn N có công của ông Hồ Văn L khai hoang năm 1988 còn ông Hồ Văn L đi bộ đội và còn đi học ở Huế, nhà gỗ do vợ chồng cụ Quỳnh N và cụ Căn N bỏ tiền xây dựng sinh sống cùng các con trên đất nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có cơ sở, đúng pháp luật nên đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo UBND huyện A và những người làm chứng như ông Cu T (còn gọi Quỳnh T), Già làng, Trưởng thôn, Bí thư chi bộ thôn A đều xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp do gia đình cụ Võ T và cụ Kả T cùng hai người con là ông Hồ Văn L và ông Hồ Văn L khai hoang làm nhà. Nhà vách gỗ, mái ngói được xây dựng bằng tiền và công sức của vợ chồng cụ Võ T và ông Hồ Văn L, còn vợ chồng ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H không có công sức đóng góp trong việc xây dựng nhà vì thực tế ông L đi nghĩa vụ quân sự và đi học trung cấp Y tế tại Huế nên thời gian ở tại nhà vách gỗ, mái ngói chỉ một thời gian ngắn. Năm 2005, xã H xây nhà cấp 4, ba gian lợp tôn theo chương trình 134 cho ba chị em mồ côi là Hồ Thị H1, Hồ Văn H và Hồ Thị H đồng thời xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ba chị em đứng tên Hồ Thị H1 đối với thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2.

[2] Vợ chồng ông L, bà H thừa nhận khi Hồ Thị H1 làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông L, bà H đồng ý *"cho cháu Hồ Thị H1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng tôi canh tác"* (bút lục 255, 257, 262). Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hồ Thị H1 thể hiện đất không có tranh chấp nên việc Ủy ban nhân dân huyện A cấp hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 414656 ngày 24/11/2006 cho Hồ Thị H1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật đất đai năm 2003. Năm 2014 chị Hồ Thị H1 ký Hợp đồng tặng cho em trai là Hồ Văn H toàn bộ quyền sử dụng thửa đất và ngày 24/11/2014 Ủy ban nhân dân huyện A đã cấp đổi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BQ 403655 cho anh Hồ Văn H quyền sử dụng thửa đất. Tại Công văn số 13/TNMT-ĐĐ ngày 10/3/2020, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện A cung cấp qua các thời kỳ ông L, bà H không đăng ký, kê khai sử dụng thửa đất.

[3] Từ [1] và [2] nêu trên cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bà H yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AE 414656 mà UBND huyện A cấp cho Hồ Thị H1 ngày 24/11/2006, yêu cầu hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BQ 403655 mà UBND huyện A cấp ngày 24/11/2014 cho anh Hồ Văn H và buộc vợ chồng anh H trả lại thửa đất là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của ông Hồ Văn L, bà Lê Thị H về yêu cầu vợ chồng anh Hồ Văn H trả lại nhà, cây trồng trên đất gồm 01 nhà gỗ lợp tole khoảng 60m^2, 1.500 cây chè, 30 cây cà phên, 27 cây mít, 09 cây dừa, 06 cây dâu, 02 cây chôm chôm, 02 cây bưởi, 02 cây xoài, 01 cây thanh long, 01 bụi tre, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: *(i).* UBND huyện A và các nhân chứng như ông Cu T, Già làng, Trưởng thôn, Bí thư chi bộ thôn A đều xác nhận nhà và cây cối do vợ chồng cụ Quỳnh N (Võ T) và cụ Căn N (Kả T) tạo lập, ông Hồ Văn L đi nghĩa vụ quân sự và đi học trung cấp y tế tại Huế không tham gia. Ông Cu T tại B bản lấy lời khai (bl 57) và tại phiên tòa sơ thẩm xác định nhà và cây cối trên đất do vợ chồng cụ Quỳnh N và cha mẹ của các cháu H1, H, H tạo lập, tiền làm nhà của cụ Quỳnh N bán bò trả tiền công cho ông Võ Văn Ngọc, ông Cu T giúp cưa gỗ làm nhà. Tại Công văn số 13/TNMT-ĐĐ ngày 10/3/2020, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện A co biết 01 ngôi nhà gỗ lợp mái ngói khoảng 60m^2, tại thửa đất số 00 tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2 tại Thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế không có đăng ký kê khai trong Sổ địa chính, về cây cối trên đất tranh chấp không

có ai kê khai đăng ký quyền sở hữu; *(ii)* Ông L, bà H cho rằng nhà và cây cối trên đất do Ông Bà tạo lập nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; *(iii)* Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H đòi nhà và cây cối cũng là có cơ sở.

[5] Từ các tài liệu dẫn chứng, phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có cơ sở, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của bà H mà giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà H kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm nhưng vì là đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể:

1. Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 39; điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu phản tố của anh Hồ Văn H đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 257429 do UBND huyện A cấp ngày 19/11/2013 cho ông Hồ Văn L và bà Lê Thị H.

2. Căn cứ Điều 26; Điều 34; Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

2.1 Áp dụng Điều 105; Điều 115 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L và bà Lê Thị H gồm:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 414656 do UBND huyện A cấp cho Hồ Thị H1 ngày 24/10/2006, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800 m^2, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 403655 do UBND huyện A cấp ngày 24/11/2014 cho Hồ Văn H, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, diện tích 4.800m^2, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Yêu cầu Hồ Văn H và Hồ Thị P trả lại quyền sử dụng đất và tài sản cây cối trên thửa đất cho Hồ Văn L và bà Lê Thị H, gồm: Diện tích đất 4.800m^2, thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tại thôn A, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Yêu cầu Hồ Văn H và Hồ Thị P trả lại 1.500 cây chè, 30 cây cà phê, 27 cây mít, 09 cây dừa, 06 cây dâu, 02 cây chôm chôm, 02 cây bưởi, 02 cây xoài, 01 cây thanh long, 01 bụi tre.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn L và bà Lê Thị H không phải chịu nên được hoàn trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo B lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004174 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

2.3. Về chi phí định giá: Ông L, bà H phải chịu toàn chi phí định giá tài sản là 6.750.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA-THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân